

Đẩy mạnh liên kết giữa Trường Đại học Ngoại thương và doanh nghiệp tiếp cận từ mô hình “Sản - Học - Quan” (産・学・官) của Nhật Bản

TRỊNH HOÀI ANH^{1, *}, BUI ANH TUẤN² & TRẦN XUÂN LỘC²

¹ Trường Đại học Hà Nội

² Trường Đại học Ngoại thương

Ngày nhận: 09/07/2023 - Duyệt đăng: 18/08/2023

(*) Liên hệ: trinhhoaianh232@gmail.com

Tóm tắt:

Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như tăng cường nghiên cứu và chuyển giao tri thức cho doanh nghiệp. Trường Đại học Ngoại Thương là một trong số các trường đại học ở Việt Nam tiên phong trong xây dựng và phát triển liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp với nhiều mô hình thực tế.

Mô hình “Sản - Học - Quan” là mô hình phổ biến trong nghiên cứu và triển khai thực tế liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đó có vai trò quan trọng của nhà nước (trung ương và địa phương). Trên cơ sở tiếp cận theo mô hình “Sản - Học - Quan”, tác giả phân tích, đánh giá về liên kết giữa Trường Đại học Ngoại thương với doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp và khuyến nghị nhằm tăng cường hơn nữa liên kết này. Thực tế liên kết giữa Trường Đại học Ngoại thương và doanh nghiệp là bài học kinh nghiệm tốt cho nhiều trường đại học, doanh nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: Liên kết trường đại học và doanh nghiệp, mô hình “Sản - Học - Quan”, Trường Đại học Ngoại thương.

Abstract:

Linkage between universities and industries play an important role in improving the quality of high-quality human resource training as well as enhancing research and knowledge transfer to industries. Foreign Trade University is one of the universities in Viet Nam pioneering in building and developing linkage between universities and industries with many practical models.

The model “Industry - University - Government” is a popular model in research and practical implementation of linkages between universities and industries, in which the state plays an important role (central and local). On the basis of the “Industry - University - Government” model approach, the author analyzes and evaluates the linkage between Foreign Trade University and Industries and offers solutions and recommendations to further strengthen the collaboration. The fact that the linkage between Foreign Trade University and Industries is a good lesson for many universities and industries in Viet Nam.

Keywords: Linkage between university and industry, “Industry - University - Government” model, Foreign Trade University.

1. Lời mở đầu

Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp là chủ đề được nhiều người nghiên cứu và cũng là giải pháp có tính chiến lược trong việc nâng cao chất lượng của đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như tăng cường nghiên cứu và chuyển giao tri thức cho doanh nghiệp.

Trường Đại học Ngoại Thương là một trong số các trường đại học ở Việt Nam tiên phong trong xây dựng và phát triển liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp với quan điểm: “Nhà trường luôn đồng hành cùng với sự phát triển của doanh nghiệp”¹. Mặc dầu đã xây dựng được nhiều chính sách, mô hình liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp và đã gặt hái nhiều thành công trong liên kết này, tuy vậy trong xây dựng và phát triển liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, nhà trường vẫn còn những hạn chế, chưa khai thác được nhiều tiềm năng của sự hợp tác.

Ngày nay, ở Nhật Bản, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp đã phát triển ở mức độ khá cao, có thể nói tất cả các trường đại học ở Nhật Bản đều phát triển liên kết, hợp tác khá chặt chẽ với các doanh nghiệp với khá nhiều mô hình. Ngược lại các doanh nghiệp lớn và vừa đều có những chương trình liên kết với trường đại học.

Trong liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản đã phát triển nhiều mô hình liên kết. Mô hình “Sản - Học - Quan” (産・学・官) là mô hình liên kết giữa trường đại học, doanh nghiệp trong đó có vai trò của bên thứ ba đó là nhà nước (trung ương và địa phương) được các nhà nghiên cứu, học giả, doanh nghiệp và trường đại học đánh giá là mô hình phổ biến, hiệu quả trong việc thúc đẩy, nâng cao hiệu quả liên kết giữa trường đại học, doanh nghiệp.

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu của tác giả về liên kết giữa Trường Đại học Ngoại thương với doanh nghiệp tiếp cận theo mô hình “Sản - Học - Quan” (産・学・官) nhằm có cách nhìn khác đánh giá về liên kết của nhà trường với doanh nghiệp, từ đó đưa ra những giải pháp và kiến nghị với nhà trường, doanh nghiệp và nhà nước giúp thúc đẩy, tăng cường hơn nữa liên kết này.

Bài viết bao gồm những nội dung chính sau đây:

(i) Mô hình “Sản - Học - Quan” trong liên kết giữa

nhà trường và doanh nghiệp (ii) Thực trạng hợp tác giữa Trường Đại học Ngoại thương với doanh nghiệp tiếp cận theo Mô hình “Sản - Học - Quan” (iii) Giải pháp và khuyến nghị.

2. Mô hình “Sản - Học - Quan” về liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp

Trong liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản mô hình được quan tâm nhiều đó là mô hình có tên gọi là mô hình “Sản - Học - Quan” (SHQ) (産・学・官). Mô hình SHQ được khái quát ở Bảng 1. Trong mô hình này, vai trò của các bên liên quan như “Sản” là doanh nghiệp, “Học” là nhà trường và “Quan” là nhà nước (trung ương và địa phương) được xác định rõ. Cụ thể là:

- Doanh nghiệp (Sản) có chức năng ứng dụng, thí điểm triển khai trí thức mới; chịu rủi ro đối với việc đổi mới sáng tạo; đặt hàng cho trường đại học trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và phối hợp tham gia cùng trường đại học đào tạo nguồn nhân lực.

- Trường đại học (Học) có chức năng cung cấp nguồn nhân lực; nghiên cứu tạo ra tri thức mới; triển khai nghiên cứu ứng dụng theo đặt hàng của doanh nghiệp; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Nhà nước (Quan) có chức năng tạo lập môi trường, hỗ trợ phát triển liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Nhà nước ở đây bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, cùng các tổ chức hỗ trợ phát triển do nhà nước thành lập. Mô hình SHQ nhấn mạnh tới vai trò của nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức trung gian nhằm phát huy hiệu quả trên thực tế triển khai hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp.

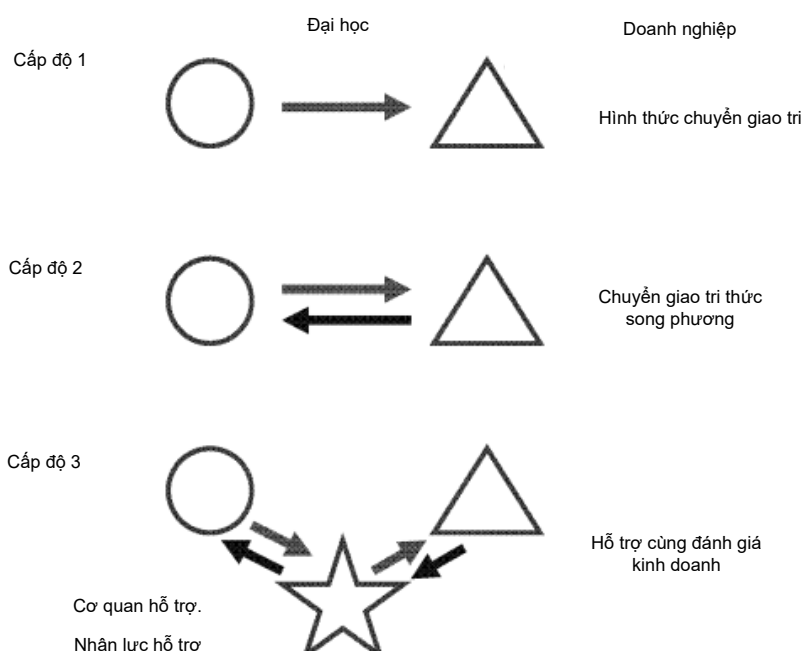
Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản đã phát triển tới trình độ cao, đặc biệt khi các doanh nghiệp của Nhật Bản đều xác định rõ trách nhiệm xã hội (CSR). Theo mô hình SHQ liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp của Nhật Bản trong nghiên cứu và chuyển giao tri thức phát triển theo 3 cấp độ khác nhau tùy theo mức độ chuyển giao tri thức và giai đoạn khác nhau của quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp của Nhật Bản trong đào tạo nguồn nhân lực cao được thực hiện qua nhiều mô hình thực tế khác nhau. Trong đó đều thể hiện rõ sự tham gia của các doanh nghiệp cùng các trường đại học trong suốt

¹ FTU(2019), Về chúng tôi, <http://fbsp.ftu.edu.vn/ve-chung-toi/>, truy cập ngày 30/11/2020

Bảng 1. Mô hình “Sàn - Học - Quan” theo tổ chức và chức năng

	Tổ chức/ đơn vị	Chức năng
Doanh nghiệp - “Sàn”	Các doanh nghiệp (bao gồm các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Tiếp nhận, ứng dụng triển khai tri thức mới; Phối hợp tham gia đào tạo nhân lực.
Trường đại học - “Học”	Tổ chức đào tạo, KHNC của các trường đại học.	Nghiên cứu đưa ra tri thức mới, chuyển giao tri thức, tiếp nhận tri thức; Xây dựng và triển khai mô hình liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo.
Nhà nước - “Quan”	Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, các cơ quan nghiên cứu thử nghiệm công, các tổ chức hỗ trợ phát triển.	Tạo lập môi trường cho liên kết; Hỗ trợ phát triển liên kết; Hỗ trợ thực hiện các dự án nghiên cứu và chuyển giao tri thức mới.



Hình 1. Liên kết trong nghiên cứu và chuyển giao tri thức

Nguồn: Gaku Funada (2008)

các giai đoạn của quá trình đào tạo sinh viên của trường đại học.

Về hình thức tổ chức, trong các doanh nghiệp lớn thường có bộ phận chuyên trách về hợp tác phát triển và có vai trò quan trọng trong phát triển liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp vừa (có thể cả doanh nghiệp nhỏ) có đội ngũ chuyên trách làm công tác này. Trong trường đại học thường có bộ phận chuyên trách phụ trách liên kết với doanh nghiệp (có thể là Quan hệ với doanh nghiệp, Phát triển cộng đồng...).

Từ thực tế liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản theo mô hình SHQ, qua phân tích số liệu thứ cấp và một số trường hợp cụ thể (case study), tác giả rút ra một số kết luận sau:

Một là, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp chỉ thành công khi xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của cả trường đại học và của doanh nghiệp.

Hai là, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp chỉ thành công khi có sự kết hợp giữa “Sàn - Học - Quan” hay doanh nghiệp - trường đại học - nhà nước. Nhà nước tạo môi trường pháp luật, xây dựng và thực hiện các chính sách hỗ trợ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp. Nhà nước cho phép, hỗ trợ thành lập các tổ chức trung gian hỗ trợ cho hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Ba là, liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp chỉ thành công khi các bên đối tác xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức hợp tác và huy

động đủ nguồn lực cho hợp tác này.

Bốn là, các trường đại học Nhật Bản thường xây dựng và phát triển mô hình cụ thể trong liên kết về đào tạo; liên kết trong nghiên cứu và chuyển giao tri thức được phát triển theo nhiều cấp độ khác nhau tùy thuộc đặc điểm của tri thức chuyển giao, giai đoạn phát triển của sản xuất.

Năm là, để liên kết thành công, trường đại học và doanh nghiệp thường thành lập đơn vị chuyên trách phụ trách và phát triển liên kết này; đồng thời các bên đều cần phải đầu tư nguồn lực cho thực hiện kết này, bao gồm cả nhân lực và tài chính.

3. Thực trạng liên kết giữa trường Đại học Ngoại thương với doanh nghiệp

3.1 Khái quát chung về Trường Đại học Ngoại thương

Trường Đại học Ngoại thương (ĐHNT) là trường đại học hàng đầu ở Việt Nam về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực Kinh tế, Thương mại quốc tế, Quản trị kinh doanh, Luật kinh tế, Kế toán Kiểm toán, Tài chính Ngân hàng và Ngoại ngữ thương mại. Ngoài trụ sở chính tại Hà Nội, Trường có Cơ sở tại Tp Hồ Chí Minh và Cơ sở Quảng Ninh.

Tháng 11 năm 2021, Trường ĐHNT đã công bố Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2040, trong đó xác định:

- Sứ mạng: Phụng sự XH bằng sự xuất sắc trong GD, sáng tạo và chuyển giao tri thức.

- Tầm nhìn: Trở thành ĐH đổi mới sáng tạo, nằm trong nhóm các đại học hàng đầu Châu Á. (A leading innovative university, ranked among top Asian universities).

- Các giá trị cốt lõi: Sáng tạo và Xuất sắc, Trách nhiệm và Bản lĩnh, Đa dạng và Hòa hợp.

- Phương châm hành động: Khác biệt để dẫn đầu (The Best first)

- Triết lý giáo dục: Giáo dục hướng tới khai phóng, gắn với thực tiễn; nuôi dưỡng tính trung thực, tinh thần trách nhiệm và năng lực sáng tạo.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường hiện nay gồm có Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị thuộc và trực thuộc đảm bảo cho sự phát triển của Nhà trường và đáp ứng tốt cho các hoạt động đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học...với tổng số 40 đơn vị gồm các khoa, phòng, viện, trung tâm, cơ sở, trong đó có 35 đơn vị thuộc và 5 đơn vị trực thuộc.

Tính đến 12-2021, ĐHNT có 870 viên chức,

trong đó có 575 giảng viên và 295 viên chức hành chính. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/tổng giảng viên đạt 42%. Tỷ lệ cán bộ viên chức ở độ tuổi dưới 40 là 61%. Nữ viên chức chiếm tỷ lệ 72%.

Tổng quy mô đào tạo của nhà trường là khoảng 20 ngàn SV, HV, NCS. Trong đó có 16.000 sinh viên hệ chính quy đang theo học tại Trụ sở chính tại TP. Hà Nội, CSII tại Thành phố Hồ Chí Minh và CS tại Quảng Ninh.

Cho đến nay, Trường ĐHNT đã đào tạo hơn 60.000 cử nhân đại học chính quy, 20.000 cử nhân hệ vừa làm vừa học, 5.000 thạc sĩ và gần 230 tiến sĩ, hơn 1.000 sinh viên/học viên tốt nghiệp chương trình liên kết đào tạo. Nhà trường cũng đã đào tạo gần 6.000 sinh viên, học viên đến từ nhiều quốc gia trên thế giới trong các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn khác nhau. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm 1 năm sau khi tốt nghiệp đạt tỷ lệ trên 92%.

Từ một trường đào tạo đơn ngành khi mới thành lập, sau gần 62 năm xây dựng và phát triển, đến nay trường đã triển khai đào tạo đa ngành ở các trình độ ĐH (13 ngành với 33 chương trình đào tạo), thạc sĩ (6 ngành), tiến sĩ (2 ngành). Các ngành đào tạo của trường hiện tập trung ở các nhóm ngành kinh tế, kinh doanh, luật kinh tế, tài chính - ngân hàng, kế toán - kiểm toán, ngôn ngữ thương mại. Theo chiến lược trong hoạt động phát triển ngành đào tạo của nhà trường, tính cho đến năm 2025 và 2030 nhà trường sẽ phát triển các ngành thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ như: Khoa học Dữ liệu, Công nghệ Thông tin...vv. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã xây dựng và phát triển 15 chương trình liên kết đào tạo (đại học và sau đại học) với nhiều trường đại học trên thế giới.

Nhà trường cũng xây dựng hệ sinh thái GD&ĐT, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với môi trường rèn luyện với các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học đa dạng. Trường là một trong những CSGD tiên phong triển khai các hoạt động khuyến khích sinh viên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

3.2 Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp của Trường Đại học Ngoại thương

3.2.1. Về quan điểm và chủ trương

Với việc xác định sứ mạng của Nhà trường là phụng sự xã hội bằng sự xuất sắc trong giáo dục, sáng tạo và chuyển giao tri thức, Trường ĐHNT luôn xác định liên kết với các đơn vị tổ chức, DN

vừa là mục tiêu, cũng qua đó vừa là động lực cho sự phát triển bền vững của Nhà trường

Triết lý của Trường ĐHNT “Hướng tới khai phóng, gắn với thực tiễn; nuôi dưỡng tính trung thực, tinh thần sáng tạo của người học”. Thực hiện triết lý này đòi hỏi sự hợp tác, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn, với doanh nghiệp.

Với quan điểm: “Trường Đại học Ngoại thương luôn đồng hành cùng với sự phát triển của doanh nghiệp”², trường Đại học Ngoại thương là một trong số các trường đại học quan tâm xây dựng và phát triển hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Hộp 1. Ý kiến của lãnh đạo trường

Trên tinh thần của một diễn đàn có tính cởi mở, xin gửi tới toàn thể quý vị 4 chữ, cũng thể hiện kỳ vọng vào kết quả hợp tác hiệu quả của chúng ta trong thời gian tới:

Outstanding - Những sáng kiến, ý tưởng, mô hình đột phá, xuất sắc

Personalized - Các chương trình hợp tác phát huy được thế mạnh và đem lại lợi ích của cả hai bên

Empowered - Tạo động lực và truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ

Networkable - Lan toả, kết nối để cùng nhau tạo thêm nhiều giá trị thiết thực

Bốn tính từ này lần lượt bắt đầu bằng O.P.E.N. tượng trưng cho một sự khởi đầu mới tuy không ít thách thức nhưng cũng đầy triển vọng, nếu chúng ta cam kết sẽ chia, đồng hành, kết nối thực chất, toàn diện và lâu dài.

PGS.TS. Bùi Anh Tuấn, Hiệu trưởng
Trường Đại học Ngoại thương

Với kim chỉ nam “Khác biệt để dẫn đầu”, ngoài các chương trình, nội dung, hình thức hợp tác truyền thống như: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo; xây dựng cơ sở thực tập, thực tế cho sinh viên; tài trợ học bổng; tài trợ, bảo trợ cho các cuộc thi do các CLB sinh viên tổ chức, tổ chức ngày hội việc làm, kết nối tuyển dụng - giới thiệu và cung cấp nguồn nhân lực cao cho các tổ chức và doanh nghiệp, v.v..Trong thời gian qua, Nhà trường đã cùng với các đối tác là các tổ chức và các DN xây dựng và phát triển nhiều mô hình hợp tác trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Nhìn lại những kết nối và thành quả hợp tác giữa nhà trường và các tổ chức DN trong thời gian vừa qua, có thể thấy trong mỗi lĩnh vực hoạt động của nhà trường và của các tổ chức và đơn vị thuộc nhà trường đều có dấu ấn của sự hợp tác giữa nhà

trường và doanh nghiệp. Nhà trường ghi nhận và thực sự trân trọng tất cả sự hợp tác này.

Ban Giám hiệu nhà trường đã khẳng định: “Mong muốn và nhiệt liệt chào mừng các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà quản lý, các doanh nhân và các tổ chức trong nước và quốc tế đến với Nhà trường để cùng chia sẻ giấc mơ và khát vọng vươn cao, bay xa của chúng tôi và cùng hợp tác hướng tới mục tiêu phát triển chung”³.

Từ năm 2017, Nhà trường đã có sáng kiến tổ chức Diễn đàn hợp tác giữa Doanh nghiệp với Nhà trường. Năm 2022 là năm thứ 5 Diễn đàn được tổ chức với những thay đổi về nội dung và hình thức tổ chức.

Nhà trường xác định doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái đào tạo, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Nhà trường.

Nhà trường xác định và thực hiện hàng loạt các chủ trương như:

- Khuyến khích thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, khuyến khích sự tham gia của các nhà quản trị, quản lý thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học chung, công bố chung.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, Hiệp hội nghề nghiệp tham gia báo cáo, tổ chức khóa học nhằm cung cấp, chia sẻ kiến thức thực tế cho sinh viên.

- Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, các nhà quản lý doanh nghiệp vào tư vấn, hỗ trợ, bảo trợ chuyên môn cho các câu lạc bộ sinh viên tổ chức các cuộc thi về chuyên môn.

- Khuyến khích, bảo trợ thành lập câu lạc bộ học viên, hoặc cựu học viên, cựu sinh viên của trường là những doanh nhân, nhà quản lý doanh nghiệp.

- Đầu tư xây dựng một số mô hình hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp để có những tổng kết đánh giá và nhân rộng mô hình.

- Nhà trường đã huy động được nguồn lực từ doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo, nâng cao hiệu quả và tính thực tiễn trong đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường, nâng cấp cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.

3.2.2 Về tổ chức thực hiện

³ FTU (2019), Thông điệp của Hiệu trưởng, <http://www.ftu.edu.vn/gi%E1%BB%9Bi-thi%E1%BB%87u/104-th%C3%B4ng-%C4%91%E1%BB%87p-c%E1%BB%A7a-hi%E1%BB%87u-tr%C6%B0%E1%BB%9Fng.html>, truy cập ngày 30/11/2020

² FTU(2019), Về chúng tôi, <http://fbsp.ftu.edu.vn/ve-chung-toi/>, truy cập ngày 30/11/2020

Thực hiện hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp, nhà trường đã có phân công cụ thể trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chức năng như phòng chức năng, khoa và trung tâm có chức năng quản lý, cơ sở ... của trường. Nhà trường đã thành lập và giao đơn vị chuyên trách đầu mối hợp tác với doanh nghiệp đó là Phòng Truyền thông và Quan hệ đối ngoại, đồng thời thành lập trung tâm Hỗ trợ SV để hỗ trợ thực hiện công tác này. Ở Cơ sở II, nhà trường đã thành lập Ban truyền thông và Quan hệ đối ngoại là đơn vị đầu mối thực hiện liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp cho Cơ sở II và nhà trường tại khu vực phía Nam.

3.2.3 Những kết quả cụ thể

Một là, nhà trường đã thu hút sự tham gia của cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp, chuyên gia từ doanh nghiệp vào góp ý xây dựng chương trình đào tạo. Hằng năm nhà trường, các khoa, viện, cơ sở đều tổ chức tọa đàm, hội nghị với sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng để góp ý xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hai là, với chủ trương khuyến khích, thu hút đầu tư của doanh nghiệp và nâng cấp cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của nhà trường; nhà trường đã đưa ra chủ trương và nhiều chính sách cụ thể, đa dạng nhằm thu hút sự quan tâm, hợp tác, đầu tư của doanh nghiệp cho nhà trường. Có thể kể đến là công trình FTU-MB Digital Hub do Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) tài trợ. Đây là không gian sáng tạo số cho các giảng viên và sinh viên. Công trình FTU-JAPI House do Tổ chức JAPI của Nhật tài trợ. Đây là nơi gặp gỡ, chia sẻ, trao đổi, kết nối của các doanh nghiệp quốc tế đối với sinh viên và giảng viên của nhà trường.

Ba là, hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế như UNESCO, UNDP, WTO và phát triển nhiều chương trình đào tạo và nghiên cứu mới. Nhà trường đã hợp tác với Tổ chức Thương mại Thế giới WTO trong chương trình WTO Chair và là trường đại học duy nhất từ trước đến nay của Việt Nam được lựa chọn triển khai chương trình WTO Chair nhằm nâng cao năng lực trong lĩnh vực thương mại quốc tế của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước ở Việt Nam.

Bốn là, nhà trường đã liên kết với DN tổ chức chuỗi hội thảo, chương trình đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên như: Những điều chưa biết về bản thân, xã hội hiện đại; Quản trị và thực hành trải

nh nghiệm, chương trình đào tạo về phương thức kinh doanh Nhật Bản...vv. Nhà trường đã liên kết với tổ chức và doanh nghiệp trong xây dựng và triển khai các khóa học thực tiễn cho sinh viên với sự tham gia đồng hành của các doanh nghiệp, điển hình là khóa học do JETRO của Nhật Bản cùng các doanh nghiệp hàng đầu của Nhật Bản, với các giảng viên báo cáo viên là các nhà lãnh đạo và quản lý của doanh nghiệp....vv

Năm là, hợp tác trong xây dựng và phát triển không gian sáng tạo - tạo sự kết nối giữa GV - SV và DN như Mô hình hợp tác với Ngân hàng Quân đội MB trong thiết lập Không gian sáng tạo số (Digital Hub); Mô hình FTU - JAPI House với Tổ chức JAPI của Nhật Bản; Mô hình SBC trong đào tạo, huấn luyện sinh viên xây dựng và phát triển các doanh nghiệp sáng tạo kinh doanh xã hội; Mô hình FGET trong hỗ trợ sinh viên kết nối, tìm kiếm cơ hội thực tập tại các doanh nghiệp trên toàn cầu. Năm 2021, Nhà trường vinh dự được Ban chỉ đạo Quốc gia về Khởi nghiệp trao tặng danh hiệu trường đại học tiên phong trong xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, cũng năm 2021 được HEC Montreal (Canada) vinh danh là trường đại học tạo tác động xã hội lớn nhất toàn cầu về sáng tạo kinh doanh xã hội.

Sáu là, với chủ trương, chính sách hợp lý và sự tích cực của sinh viên, nhiều doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đã tham gia tích cực vào các cuộc thi của sinh viên nhà trường. Doanh nghiệp tham gia vào các cuộc thi do các CLB của SV nhà trường tổ chức (như Khởi nghiệp cùng Kawai, I-invest, Bản lĩnh Marketers, Soul of Law...vv) với tư cách là nhà tài trợ, hỗ trợ, bảo trợ truyền thông, bảo trợ chuyên môn. Cũng có doanh nghiệp tham gia các cuộc thi nhằm đưa bài tập tình huống cụ thể của doanh nghiệp cho sinh viên giải quyết. Việc tham gia của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đối với các cuộc thi của sinh viên nhà trường đã góp phần tăng uy tín của các cuộc thi, tăng tính thực tiễn trong nội dung chuyên môn của các cuộc thi, tăng cường đón nhận sản phẩm đào tạo - sinh viên tốt nghiệp của trường đối với doanh nghiệp.

Bảy là, nhà trường đã tăng cường hợp tác với DN thực hiện nhiều dự án, đề tài nghiên cứu chung, điển hình là Mô hình chuyển giao tri thức hợp tác với Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông. Mô hình này đã gặt hái nhiều thành công, được doanh nghiệp ghi nhận.

Tám là, hợp tác, kết nối với các địa phương trong đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao tri thức với nhiều chương trình đào tạo đem lại hiệu quả cao như đào tạo cho lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp, đào tạo về xúc tiến đầu tư và thương mại cho công chức ở các địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh; triển khai nhiều đề tài khoa học phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội của các địa phương như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Trà Vinh, Ninh Thuận, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu...vv.

Chín là, dự án VJCC, một sự hợp tác giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHNT) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), đã được triển khai từ năm 2002. Cùng với đó là, chương trình Keiejuku (Quản lý Kinh doanh Cao cấp) đã diễn ra từ năm 2009 đến nay, với sự tham gia đào tạo của hơn 1.000 học viên, bao gồm các doanh nhân và lãnh đạo cấp cao của các doanh nghiệp Việt Nam, được đào tạo bởi các chuyên gia từ Nhật Bản và Việt Nam.

Mười là, hội cựu sinh viên trường ĐHTN (FAA) đã được thành lập từ năm 2016, với hơn 100.000 cựu sinh viên tham gia, phân bố tại hầu hết các thị trường lớn trên toàn cầu. Hội Doanh nhân cựu sinh viên trường ĐHTN (FBA) cũng ra đời từ năm 2019, nhằm tạo cơ hội kết nối thương mại và thúc đẩy các hoạt động sôi nổi tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam. FAA và FBA đã duy trì mối hợp tác chặt chẽ với ĐHTN thông qua nhiều hoạt động khác nhau trong thời gian qua..

3.2.4 Một số hạn chế

Mặc dầu vậy, hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp của Trường Đại học Ngoại thương giai đoạn 2015 - 2020 cũng có một số hạn chế. Điều này thể hiện trên các mặt sau đây:

Một là, liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp về khoa học công nghệ và chuyển giao tri thức đã được đẩy mạnh trong giai đoạn vừa qua, tuy nhiên còn ở mức độ khiêm tốn. So với liên kết của các trường khối ngành Kỹ thuật, mức độ chuyển giao tri thức của trường ĐHTN và doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Với tính chất thuộc khối ngành xã hội, thế mạnh về quản trị, xuất nhập khẩu, có tính đặc thù riêng của ngành; số lượng doanh nghiệp có cùng đặc tính, khớp các điều kiện hợp tác là không nhiều.

Hai là, trong danh sách những doanh nghiệp hợp tác với trường ĐHTN còn ít các doanh nghiệp là các tập đoàn, các công ty lớn, số lượng các doanh nghiệp là đối tác chiến lược còn chưa nhiều.

Ba là, còn có sự chồng chéo trong xác định đối tác và phát triển hợp tác giữa các đơn vị trong nhà trường điều này ảnh hưởng đến hiệu quả của sự hợp tác và tính chuyên nghiệp xây dựng và phát triển hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Các đơn vị, khoa, bộ phận hiện nay hoạt động độc lập và trong hợp tác với doanh nghiệp cũng vậy. Chính vì thế sẽ thiếu sức mạnh tập thể, tương hỗ lẫn nhau để liên kết sinh ra hiệu quả lớn có tính lan tỏa.

Bốn là, chưa khai thác hiệu quả mạng lưới các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp của cựu sinh viên. Mạng lưới cựu sinh viên Ngoại thương hiện có trên 50 ngàn người, số lượng doanh nghiệp, doanh nhân là cựu sinh viên khá đông đảo, tuy nhiên nhà trường chưa có chính sách và giải pháp hiệu quả thu hút sự tham gia hợp tác của các DN và doanh nhân là cựu sinh viên này.

Năm là, hợp tác với doanh nghiệp tập trung nhiều cho đối tượng sinh viên, còn chưa tập trung nhiều cho đối tượng giảng viên. Hiện nay, hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp của nhà trường đang hướng và tập trung nhiều cho đối tượng sinh viên.

Doanh nghiệp là nơi giảng viên thử nghiệm kết quả nghiên cứu, là nơi giảng viên phát hiện và nắm bắt thực tiễn, là hơi thở của cuộc sống giúp giảng viên thực hiện được sự gắn kết với thực tiễn, giúp nâng cao tính thực tiễn của các bài giảng.

Trong thời gian qua, nhà trường cũng đã có quan tâm nhiều đến đối tượng là giảng viên, tuy nhiên các mô hình, nội dung, hình thức hợp tác đáp ứng nhu cầu của giảng viên còn ít.

4. Đánh giá về liên kết giữa Trường ĐHTN với doanh nghiệp tiếp cận theo Mô hình “Sàn - Học - Quan”

Việc nghiên cứu, đánh giá liên kết giữa Trường ĐHTN với doanh nghiệp tiếp cận theo Mô hình “Sàn - Học - Quan” được tác giả thực hiện trong năm 2021 chủ yếu qua sử dụng số liệu thứ cấp và thông tin sơ cấp thu nhận được qua phỏng vấn những đối tượng có liên quan. Các bước tiến hành cụ thể như sau:

Bước 1: Xác định Mô hình “Mô hình “Sàn - Học - Quan” thực tế của Trường Đại học Ngoại thương.

Bước 2: Lên danh sách các doanh nghiệp đối tác thực tế của trường, trong đó loại bỏ những doanh nghiệp đối tác chỉ có tên trong danh sách, các doanh nghiệp chỉ ký thỏa thuận và không triển khai các

hoạt động trên thực tế.

Bước 3: Xác định các nhóm đối tượng cần phỏng vấn

Bước 4: Xây dựng câu hỏi phỏng vấn cho từng nhóm đối tượng

Bước 5: Phỏng vấn thử và điều chỉnh câu hỏi phỏng vấn

Bước 6: Triển khai phỏng vấn

Bước 7: Xử lý kết quả và viết báo cáo.

Các nhóm đối tượng phỏng vấn đó là:

Một là, nhóm đối tượng trong trường bao gồm:

(i) Lãnh đạo nhà trường (thành viên trong tập thể Lãnh đạo trường: Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường, các Phó hiệu trưởng. (2) Trưởng một số phòng có liên quan như: Trưởng phòng Truyền thông và Quan hệ đối ngoại, Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự (3) Trưởng khoa, Viện trưởng: Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh, Trưởng khoa Tài chính Ngân hàng, Trưởng khoa Tiếng Anh thương mại, Viện trưởng Viện VJCC, Phó viện trưởng Viện Kinh tế và Kinh doanh Quốc tế (4) 20 sinh viên đang học năm thứ 3,4 của một số khoa, viện.

Hai là, nhóm đối tượng lãnh đạo doanh nghiệp đối tác của trường gồm 10 doanh nghiệp có thỏa thuận hợp tác với nhà trường và có triển khai các hoạt động hợp tác trên thực tế trong 5 năm từ 2015-2020. Các DN gồm: Công ty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông, Ngân Hàng MB, Ngân hàng VP, Công ty Tùng Lâm, Công ty Misui (Nhật Bản), Công ty Pepsi Suntory Việt Nam, Công ty Hapro, Tập đoàn Anphanam, Công ty Minami Fuji (Nhật Bản), Nhà hàng Maison Vie.

Ba là, nhóm đối tượng gồm đại diện của một số cơ quan của Đảng, Quốc hội và cơ quan quản lý nhà nước như: Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương, Vụ Giáo dục và dạy nghề (Ban Tuyên giáo Trung ương), Ủy ban Văn hóa Giáo dục của Quốc hội, Vụ Giáo dục Đại học (Bộ GD&ĐT), Vụ Kế hoạch Tài chính (Bộ GD&ĐT), Vụ khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Vụ Tài chính HCSN (Bộ Tài chính).

Trên cơ sở phân tích số liệu thứ cấp do trường cung cấp, thông tin kết quả thu được qua phỏng vấn, tác giả rút ra một số kết luận sau đây:

Một là, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

trên cơ sở đảm bảo lợi ích của nhà trường và doanh nghiệp và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Hai là, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp phụ thuộc vào nhận thức, quan điểm, chủ trương của lãnh đạo nhà trường và doanh nghiệp.

Ba là, hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được quy định cụ thể trong Luật Giáo dục Đại học; việc quy định về tiêu chuẩn kiểm định, quy định về tiêu chuẩn và điều kiện mở ngành, quy định về xây dựng chương trình đào tạo đã có tác động tích cực đến thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tuy nhiên các quy định cụ thể trên cơ sở đảm bảo lợi ích của các bên khi tham gia hợp tác chưa được xây dựng cụ thể.

Bốn là, Trường ĐHNT xác định rõ tầm quan trọng của hợp tác với doanh nghiệp, nghiên cứu xây dựng nhiều mô hình hợp tác với doanh nghiệp có hiệu quả, hấp dẫn với sinh viên, giảng viên và doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp hợp tác với nhà trường tập trung vào cơ hội tuyển dụng được nhân lực có chất lượng cao vượt trội của nhà trường. Hợp tác về nghiên cứu học, chuyên giao tri thức cho doanh nghiệp đã được quan tâm nhưng vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp.

Năm là, Trường ĐHNT có quy định rõ về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị liên quan đến hợp tác với doanh nghiệp, tuy nhiên hầu hết các doanh nghiệp đều không có bộ phận chuyên trách hợp tác với nhà trường, thường giao cho đơn vị nào đó có quan hệ thường xuyên, gần gũi hơn làm đầu mối để thực hiện.

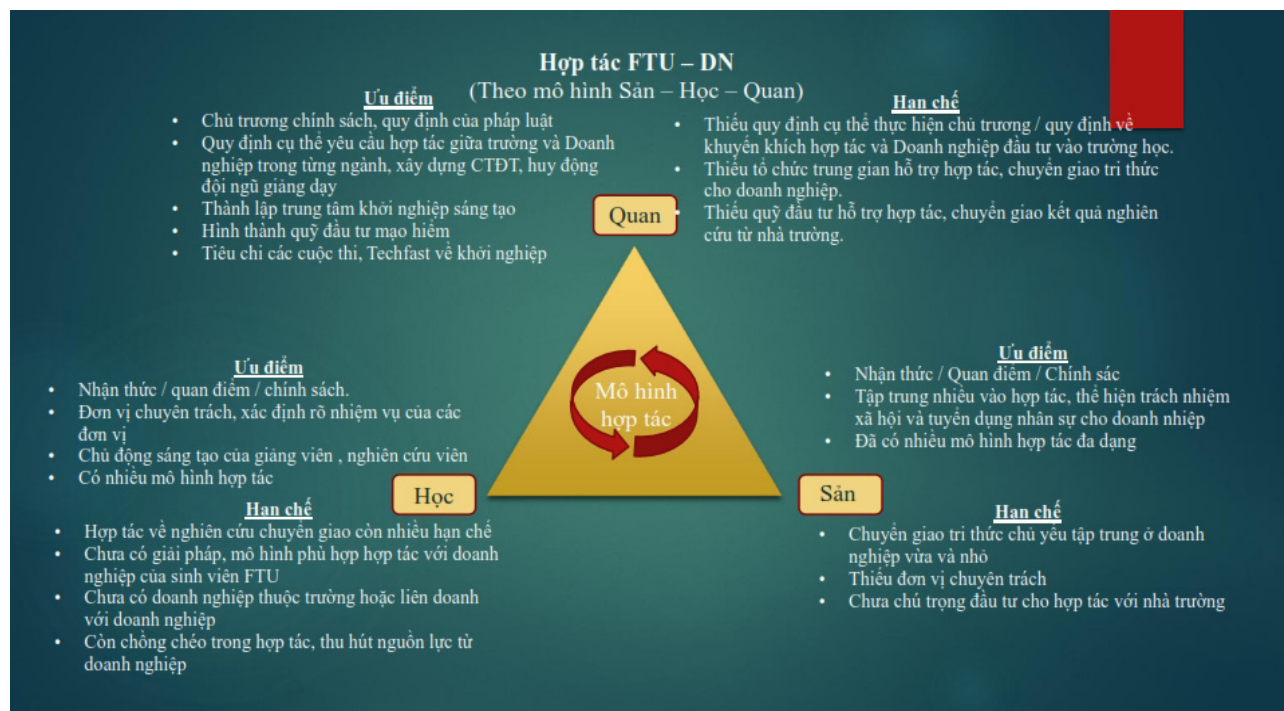
Sáu là, nhà nước thiếu các tổ chức, các cơ quan hỗ trợ cho thúc đẩy phát triển hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Gần đây việc thành lập các trung tâm về khởi nghiệp sáng tạo đã thúc đẩy hợp tác này nhưng mới ở mức độ hạn chế và chỉ ở phạm vi các hoạt động liên quan đến khởi nghiệp sáng tạo.

5. Một số khuyến nghị

5.1 Khuyến nghị đối với Trường Đại học Ngoại thương

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đánh giá thực tế hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp tiếp cận theo Mô hình SHQ, kinh nghiệm từ thực tế Nhật Bản, tác giả có một số khuyến nghị với nhà trường như sau:

Một là, cần xác định rõ trách nhiệm của các đơn



Hình 2. Ưu điểm và hạn chế của mô hình Sản - Học - Quan áp dụng cho việc hợp tác giữa FTU và doanh nghiệp

Nguồn: Tác giả tổng hợp

vị chức năng (Phòng/ban/trung tâm và các đơn vị (cơ sở/viện/khoa) trong xây dựng, phát triển và quản lý về hợp tác với doanh nghiệp, chú trọng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách phụ trách công tác này (Phòng Truyền thông và Quan hệ đối ngoại ở Trụ sở chính và Ban Truyền thông và Quan hệ đối ngoại ở Cơ sở II).

Hai là, cần có tổng kết đánh giá về những mô hình hợp tác đã được triển khai trong thời gian qua. Trường Đại học Ngoại thương có nhiều mô hình hợp tác, nhưng chưa được tổng kết đánh giá để tìm ra được những mô hình phù hợp nhất với đặc điểm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng của nhà trường.

Ba là, nhà trường cần quan tâm và đầu tư phát triển các mô hình hợp tác về chuyển giao công nghệ. Trong thời gian qua, nhà trường đã cùng với Công ty CP. Bóng đèn phích nước Rạng Đông xây dựng và thực hiện thành công mô hình về chuyển giao tri thức cho doanh nghiệp. Mô hình này đánh giá và cần nhân rộng.

Bốn là, nhà trường nên phát triển những mô hình hợp tác với doanh nghiệp nhằm thu hút sự tham gia của đội ngũ giảng viên của nhà trường bên cạnh mô

hình về chuyển giao tri thức, cần có sự đa dạng của mô hình hợp tác. Trong đó có mô hình thu hút sự tham gia của đội ngũ giảng viên nhà trường đi thực tế tại doanh nghiệp và đóng góp vào hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

Năm là, nhà trường cần xây dựng kế hoạch tổng thể và thống nhất chỉ đạo về hợp tác với doanh nghiệp nhằm khắc phục sự chông chéo trong phát triển hợp tác với doanh nghiệp. Nhà trường cần xây dựng cơ sở dữ liệu về hợp tác với doanh nghiệp phục vụ cho công tác quản lý.

Sáu là, cần có chính sách và mô hình cụ thể nhằm chưa khai thác hiệu quả mạng lưới các doanh nghiệp khởi nghiệp, các doanh nghiệp của cựu sinh viên trên cơ sở đẩy mạnh hợp tác với Hội cựu sinh viên FTU, Hội doanh nhân cựu sinh viên FTU.

Bảy là, nhà trường cần nghiên cứu xây dựng doanh nghiệp thuộc trường. Những doanh nghiệp này đã được quy định trong Luật Giáo dục Đại học. Doanh nghiệp này sẽ là cầu nối giúp cho phát triển các mô hình và thí điểm các mô hình, chính sách phát triển hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.

5.2 Khuyến nghị với các doanh nghiệp

Tác giả có một số khuyến nghị với các doanh nghiệp đang và có mong muốn hợp tác với nhà trường như sau:

Một là, các doanh nghiệp cần xác định rõ mục đích hợp tác với nhà trường, đảm bảo lợi ích của các bên. Hợp tác với Trường ĐHTN, doanh nghiệp không nên chỉ tập trung vào việc cung cấp học bổng cho sinh viên, nên tập trung vào cùng xây dựng và phát triển các mô hình hợp tác đem lại lợi ích chung cả doanh nghiệp, nhà trường và cộng đồng.

Hai là, các doanh nghiệp nên thu hút sự tham gia của các giảng viên nhà trường vào công tác quản lý, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, đặc biệt về đổi mới sáng tạo trong quản lý, áp dụng các mô hình quản trị, quản lý hiệu quả.

Ba là, doanh nghiệp cần có bộ phận được giao nhiệm vụ chuyên trách về quan hệ hợp tác với trường đại học. Đội ngũ nhân lực của bộ phận này cần được đầu tư cả về số lượng và chất lượng, biết khai thác thế mạnh của trường đại học để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích chung của doanh nghiệp, nhà trường và xã hội.

5.3 Khuyến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước - Hàm ý chính sách

Tác giả có một số khuyến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước và hàm ý chính sách như sau:

Một là, nhà nước cần có quy định cụ thể để thực hiện chính sách khuyến khích hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào trường đại học đặc biệt là các trường đại học công lập.

Hai là, nhà nước cần xây dựng và phát triển những trung tâm hỗ trợ cho sự phát triển hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, không chỉ dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đầu tư xây dựng vào một số trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Một số địa phương cũng đã đầu tư xây dựng và phát triển trung tâm khởi nghiệp sáng tạo ở địa phương. Tuy nhiên chưa có trung tâm hỗ trợ cho hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Đây là một trong những tổ chức mà Nhật Bản đã phát triển trong thời gian qua ở các địa phương để hỗ trợ cho hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Ba là, nhà nước cần có quy định cụ thể về thuế, miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp có những hoạt động hợp tác với nhà trường đem lại nguồn thu cho các bên; có chính sách miễn, giảm thuế

cho doanh nghiệp thuộc nhà trường, tập trung vào thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức.

6. Kết luận

Liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như tăng cường nghiên cứu và chuyển giao tri thức cho doanh nghiệp.

Trường ĐHTN là một trong số các trường đại học ở Việt Nam tiên phong trong xây dựng và phát triển liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp.

Mô hình SHQ là mô hình liên kết giữa trường đại học, doanh nghiệp trong đó có vai trò của bên thứ ba đó là nhà nước (trung ương và địa phương). Trên cơ sở tiếp cận từ Mô hình SHQ, tác giả đã phân tích đánh giá về liên kết giữa Trường ĐHTN từ đó đưa ra những giải pháp và kiến nghị với nhà trường, doanh nghiệp và nhà nước giúp thúc đẩy, tăng cường hơn nữa liên kết này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chieko Kimura. (2011). 産業活性化と産学連携に関する研究—米国とドイツの事例を通じて—. Thesis for doctor, Japan.
- Đại học Ngoại thương. (2020). *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015-2020*. Hà Nội.
- Đại học Ngoại thương. (2020). *Chương trình hành động nhiệm kỳ 2021-2025*. Hà Nội.
- Đảng bộ Trường Đại học Ngoại thương. (2020). *Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Ngoại thương lần thứ XXII (nhiệm kỳ 2020-2025)*. Hà Nội 2020.
- Đại học Ngoại thương. (2019). *Mục tiêu đào tạo và triết lý giáo dục*, <http://www.ftu.edu.vn/list-all-categories/%C4%91%C3%A0o-t%E1%BA%A1o/2343-m%E1%BB%A5c-ti%C3%AAu-%C4%91%C3%A0o-t%E1%BA%A1o-v%C3%A0-tri%E1%BA%BFt-l%C3%BD-gi%C3%A1o-d%E1%BB%A5c.html>, truy cập ngày 02/12/2020
- Gaku Funada. (2008). 中小企業における産学連携の課題と対応策 (The issue and Future Prospect of SMEs-Academia Collaboration), 産学連携学 Vol4 No 2
- Kansai. (2018). 事例紹介. https://www.kansai.meti.go.jp/2giki/sangiren/susume/2018_2_jireisyoukai.pdf, truy cập ngày 03/12/2020
- Maikito Yurita. (2016). 教育委員会と大学との有機的な連携協力体制のあり方と実践事例. Conference: 日本教育大学協会, At: Toyama, Japan, Affiliation: Japan Association of Universities of Education.
- Orkun Yildiz. (2021). *University-Industry collaboration strategies in the digital era*. Education books. IGI global.